TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 27/2023/HC-GĐT
Ngày 19/5/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Thủy.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Ngô Tiến Hùng;
- Ông Trần Hồng Hà;
- Ông Nguyễn Biên Thùy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*", giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Xóm 8, xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Đình T; địa chỉ: Xóm 8, xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/11/2019).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn Yên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn D, Phó Chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 35/UBND-GUQ ngày 30/9/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ: Số 5, xóm Phan T, xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện hợp pháp: ông Đặng Quang H1, Chủ tịch.

2 . Ông Trần Khắc H2, sinh năm 1962;

3. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Xóm 4, xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Khắc H2, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 21/10/2019).

4. Bà Đặng Thị H4, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xóm 10, xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị S; cư trú tại Xóm 13, xã Sơn T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/11/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1993, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Yên T có chủ trương bán đất ở có thu tiền sử dụng đất cho 25 hộ gia đình tại phía bắc Quốc lộ 7 (QL7) và giao cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã Viên T thực hiện. Gia đình ông Nguyễn Duy H được UBND xã Viên T xét duyệt cho mua 02 lô đất tại khu vực Đồng C, Thôn 4 theo hình thức có thu tiền với tổng diện tích 992m^2 (31m x 32m). Cũng trong năm 1993, ông H có mua 01m đất bám mặt đường Quốc lộ 7, chiều sâu 32m của ông Trần Khắc H2. Theo ông H trình bày thì gia đình ông H sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 1993, có xây dựng 02 ngôi nhà và các công trình phụ trên đất.

Ngày 12/4/1995, UBND huyện Yên T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông H đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3, diện tích 216m^2 loại đất ở + vườn.

Ngày 12/4/1995, UBND huyện Yên T cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H3 (vợ của ông Trần Khắc H2) đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 3, diện tích 108m^2 đất ở + vườn.

Ngày 02/11/2004, UBND xã Viên T có Thông báo số 05 TT/UB thu hồi 32m^2 đất thừa của gia đình ông H tại khu vực Đồng C theo Quyết định số 230/QĐ-UB ngày 07/5/2004 của UBND huyện Yên T.

Năm 2016, ông H2 có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông H, UBND xã Viên T đã tiến hành hòa giải ngày 3/8/2016. Ngày 09/10/2017, UBND huyện Yên T có Công văn số 1514/UBND.TN gửi UBND xã Viên T có nội dung: giao UBND xã Viên T tổ chức làm việc với hộ gia đình ông H2 để thống nhất khảo sát lựa chọn địa điểm quy hoạch một lô đất phù hợp để lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đất đổi đất theo hình thức có bù trừ chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Tháng 3/2018, xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông H2 với gia đình ông H. Ngày 13/5/2018, ông H có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện Yên T. Đồng thời, ông H2 cũng có đơn đề nghị UBND huyện Yên T giao đất trên thực địa đối với phần đất mà gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ năm 1995.

Ngày 10/5/2018, UBND huyện Yên T có Văn bản số 510/UBND.TN giải quyết đơn phản ánh của công dân, nội dung: Giao cho Chủ tịch UBND xã Viên T tổ chức làm việc với 02 gia đình ông Nguyễn Duy H và ông Trần Khắc H2 để tiến hành giao đất tại thực địa, cụ thể: đối với gia đình ông Nguyễn Duy H, tính từ phía Đông, giáp đất ông Trần Khắc H2 lên phía Tây là 19m, theo sơ đồ giao đất ban đầu; đối với gia đình ông Trần Khắc H2, tính từ phía Đông giáp đất của hộ gia đình ông Nguyễn Duy H lên phía Tây là 9m chiều rộng bám đường QL7; phần diện tích còn lại giao cho UBND xã Viên T tổ chức quản lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2018, UBND xã Viên T tiến hành bàn giao đất ở cho gia đình ông H2 đối với thửa đất số 137, Tờ bản đồ số 3 đã được cấp GCNQSDĐ năm 1995.

Không đồng ý với Văn bản số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 của UBND huyện Yên T, ông H có đơn khiếu nại đến UBND huyện Yên T.

Ngày 19/12/2018, Chủ tịch UBND huyện Yên T ban hành Quyết định số 10394/QĐ.UBND giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của ông H; giữ nguyên nội dung Công văn số 510/UBND.TN của UBND huyện Yên T, vì việc UBND giao cho ông Trần Khắc H2 một phần Thửa đất số 1114, tờ bản đồ số 7 xã Viên T không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông H.

Ngày 26/3/2019, ông H có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 10394/QĐ.UBND ngày 19/12/2018 của UBND huyện Yên T; Văn bản số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 của UBND huyện Yên T và đề nghị hủy GCNQSDĐ năm 1995 mà UBND huyện Yên T đã cấp cho bà H3 (vợ ông H2) với lý do: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông H2 không hợp pháp. Quá trình cấp GCNQSDĐ không biết rõ vị trí, không giao đất, không có biên bản giao đất, không quản lý, canh tác sử dụng, không thực hiện nghĩa vụ quy định của nhà nước và trái với quy định tại Điều 64 Luật đất đai năm 2013; sổ thống kê diện tích đất do UBND xã Viên T lập thời điểm năm 2001 là sau ngày 15/10/1993 mang tên ông KH nhưng GCNQSDĐ mang tên bà H3. Sổ quỹ do UBND xã Viên T cung cấp cũng chứng minh không có việc nộp tiền của ông H2; kết quả làm việc với các cá nhân đại diện cho UBND xã Viên T, ban địa chính xã viên thành thời kỳ 1993 - 1995 thiếu cơ sở pháp lý và trái với văn bản giao đất của chính quyền địa phương cho gia đình ông H; kết luận giải quyết khiếu nại thiếu căn cứ pháp lý.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND huyện Yên T trình bày:

Sau khi nhận được được đơn khiếu nại của ông H, UBND huyện Yên T đã thành lập tổ công tác để xác minh: Việc UBND xã Viên T giao đất cho hộ ông H 2 lô đất năm 1993 tại Đồng C là có thật, ông H đã nộp 5.500.000 đồng vào ngân sách nhà nước; mỗi lô bám QL7 là 9m, chiều sâu 12m (thời điểm đó, lưu không QL7 là 20m theo Nghị định 203 HĐBT), diện tích 2 lô là 216m^2. Năm 1995, hộ ông H được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 216m^2 là đúng quy định. Từ khi được cấp GCNQSDĐ đến nay, gia đình ông H thực hiện nghĩa vụ tài chính theo diện tích được cấp trong GCNQSDĐ. Tại Công văn số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018, UBND huyện Yên T đã xác định diện tích đất của hộ ông H tại Thửa số 1114, Tờ bản đồ số 7 huyện Yên T có chiều dài bám mặt đường QL 7 là 19m,

bao gồm 18m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1m nhận chuyển nhượng của ông H2 là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông H.

Theo bản đồ địa chính xã Viên T, phần đất của ông H được mua năm 1993 đã được cấp GCNQSDĐ, là phần diện tích đất do UBND xã quản lý và diện tích nằm trong chỉ giới xây dựng QL7 được đo chung tại Thửa 1114, Tờ bản đồ địa chính số 07, diện tích 1130m^2. Năm 1994, gia đình ông Trần Khắc H2 được UBND xã Viên T xét giao 01 lô đất là có thật, số tiền sử dụng đất của ông H2 không được phản ánh tại sổ quỹ UBND xã và không được lập phiếu thu do tồn tại về mặt nhận thức. Năm 1995, hộ ông H3 được cấp GCNQSDĐ mang tên bà H3 nhưng chưa được giao đất trên thực địa. Tại Công văn số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018, UBND huyện Yên T giao cho gia đình ông H2 một phần Thửa đất số 1114, Tờ bản đồ số 7 là đất chưa sử dụng, do UBND xã Viên T quản lý. Do đó, Chủ tịch UBND huyện Yên T và UBND huyện Yên T đề nghị giữ nguyên Quyết định số 10394/QĐ-UBND và Công văn số 510/UBND.TN.

Đại diện UBND xã Viên T trình bày: Thửa đất số 1114, Tờ bản đồ số 7 trước đây là Thửa số 134, Tờ bản đồ số 3, diện tích 216m^2 được UBND huyện Yên T cấp cho ông H. Theo hồ sơ giao đất năm 1994 thì thửa số 134, tờ bản đồ số 3 tương đương với 2 lô đất nay là Thửa 1114 bám QL 7, chiều rộng 2 lô là 18m, chiều sâu 32m, trong đó đất ở 12m, đất lưu không QL 7 là 20m. Tổng 2 lô là 216m^2. Ngoài ra, ông H còn có thêm 1m chiều ngang do nhận chuyển nhượng từ ông H2. UBND xã cho ông H sử dụng tạm thời đất lưu không cầu Cuối vì trước đây xã chưa sử dụng. Theo Công văn số 510/UBND.TN nêu trên, UBND xã Viên T đã tiến hành giao đất cho 2 hộ gia đình, đất của ông H tính từ phía đông, giáp đất ông H2 lên phía Tây là 19m bám đường QL7; đất của ông H2 tính từ phía đông giáp đất ông H lên phía Tây là 9m bám đường QL7; phần còn lại giao cho UBND xã Viên T quản lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Khắc H2 trình bày: Năm 1995, UBND huyện Yên T đã cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông mang tên bà H3. Tháng 5/2018, UBND xã Viên T bàn giao đất trên thực địa cho gia đình ông. Việc UBND huyện Yên T cấp GCNQSDĐ và bàn giao đất cho gia đình ông là hợp pháp không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H rút yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ số M 369412 do UBND huyện Yên T cấp ngày 12/4/1995 cho bà Nguyễn Thị H3.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2019/HC-ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy H.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 10394/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên T;

Hủy Công văn số 510/UBND.TN về việc giải quyết đơn phản ánh của công dân ngày 10/5/2018.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Yên T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 369412 do Ủy ban nhân dân huyện Yên T cấp ngày 12/4/1995 cho bà Nguyễn Thị H3.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Khắc H2 có đơn kháng cáo.

Ngày 11/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện Yên T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên T có đơn kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 21/2021/HC-PT ngày 19/01/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Sửa Bản án số 55/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy H về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 10394/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên T và Công văn số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Yên T về việc giải quyết đơn phản ánh của công dân.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 10/01/2022, Tòa án nhân dân tối cao nhận được đơn đề ngày 25/10/2021 của ông Nguyễn Duy H (đơn do Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An chuyển) đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 21/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên.

Ngày 21/01/2022, Ban Chấp hành Trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam có Phiếu chuyển số 24/PC-CCB-BBL chuyển đơn của ông Nguyễn Duy H đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 21/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2023/KN-HC ngày 15/02/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 21/2021/HC-PT ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 21/2021/HC-PT ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Năm 1993, gia đình ông Nguyễn Duy H có mua 02 lô đất tại khu vực Đồng C theo chủ trương giao đất có thu tiền sử dụng đất của UBND xã Viên T,

huyện Yên T, tỉnh Nghệ An. Việc mua đất không có hợp đồng, chỉ có phiếu thu của UBND xã Viên T, thể hiện ông H đã nộp 2 lần tổng số tiền là 5.500.000 đồng. Ngày 20/12/1993, Ban đo đất UBND xã Viên T lập Văn bản giao đất cho ông H có nội dung: giải quyết cho ông Nguyễn Duy H là hộ nông dân ở Xóm 10 xã Viên T "*được mua đất theo tiêu chuẩn của hộ nông dân đất ở tại khu vực Đồng C, Xóm 4; chiều bám mặt đường 7 là 9m x 32 m = 288 m^2; bù lưu không cầu Cuối là 13m; tổng diện tích gia đình sử dụng là 704m^2*"; Văn bản giao đất có xác nhận của UBND xã Viên T. Cùng năm 1993, ông H nhận chuyển nhượng của gia đình ông Trần Khắc H2 01m đất bám mặt đường Quốc lộ 7 (gia đình ông H2 có một thửa đất thổ cư ngay cạnh thửa đất ông H được giao và sinh sống tại thửa đất này; việc chuyển nhượng không có giấy tờ nhưng được các bên thừa nhận). Ngày 12/4/1995, UBND huyện Yên T cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông H đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3, diện tích 216m^2 đất ở + vườn. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông H đã làm bờ bao xung quanh thửa đất được giao trong đó có cả phần đất bù lưu không.

[2]. Cùng ngày 12/4/1995, UBND huyện Yên T cấp GCNQSDĐ số M 369412 cho bà Nguyễn Thị H3 (vợ của ông Trần Khắc H2) đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 3, diện tích 108m^2 đất ở + vườn nhưng không tiến hành bàn giao đất trên thực địa.

[3]. Ngày 05/3/2018, UBND huyện Yên T, tỉnh Nghệ An ban hành Công văn số 247/UBND-KT&HT hướng dẫn xác định phạm vi đất dành cho đường bộ tại cống bản Kép Km 12 + 650 QL7 thuộc xã Viên T, theo đó phần đất trước đây UBND xã Viên T xác định là đất lưu không cầu Cuối mà gia đình ông H đang sử dụng theo hướng dẫn mới không thuộc quy hoạch đất giao thông. Sau đó, gia đình ông H2 đến đổ đất trên phần đất lưu không cầu Cuối mà gia đình ông H đang sử dụng nên xảy ra tranh chấp.

[4]. Do ông H2 có khiếu nại đề nghị giao đất nên ngày 10/5/2018, UBND huyện Yên T có Văn bản số 510/UBND.TN giải quyết đơn của ông H2, với nội dung: Giao cho Chủ tịch UBND xã Viên T tổ chức làm việc với hai gia đình để tiến hành giao đất tại thực địa, cụ thể: Đối với gia đình ông Nguyễn Duy H, tính từ phía Đông, giáp đất ông Trần Khắc H2 lên phía Tây là 19m, theo sơ đồ giao đất ban đầu. Đối với gia đình ông Trần Khắc H2, tính từ phía Đông giáp đất của hộ gia đình ông Nguyễn Duy H lên phía Tây là 9m chiều rộng bám đường QL7. Phần diện tích còn lại giao cho UBND xã Viên T tổ chức quản lý theo quy định của pháp luật.

[5]. Ngày 11/5/2018, UBND xã Viên T tiến hành bàn giao đất cho gia đình ông H2 theo GCNQSDĐ cấp năm 1995 cho bà H3 tại phần đất lưu không mà gia đình ông H đang sử dụng. Không đồng ý với việc bàn giao đất theo Văn bản số 510/UBND.TN nêu trên của UBND huyện Yên T, ông H đã có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện Yên T giải quyết tại Quyết định số 10394/QĐ.UBND ngày 19/12/2018 có nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Duy H về việc khiếu nại Công văn số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 của UBND huyện Yên T. Giữ nguyên nội dung tại Công văn số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 về việc giải quyết phản ánh của công dân vì việc UBND huyện giao đất cho ông Trần Khắc H2 một phần Thửa đất số 1114, Tờ bản đồ số 7, xã Viên T không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Nguyễn Duy H.

[6]. Ngày 26/3/2019, ông H có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 10394/QĐ.UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên T; Văn bản số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 của UBND huyện Yên T về việc giải quyết đơn phản ánh của công dân và đề nghị hủy GCNQSDĐ số M 369412 ngày 12/4/1995 của UBND huyện Yên T cấp cho bà Nguyễn Thị H3. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H rút yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ nêu trên.

[7]. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi được bàn giao đất vào năm 1993 như nêu trên, gia đình ông H vẫn sử dụng cả 13m đất lưu không cầu Cuối và xây tường bao thành khuôn viên riêng, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. UBND huyện Yên T cho rằng tại thời điểm giao đất, các hộ gia đình mua đất đều được mua mỗi lô diện tích 9m mặt đường x 12 m chiều sâu, nên tổng diện tích đất ông H mua 2 lô là 216m^2 và được cấp gộp trong cùng 01 GCNQSDĐ với diện tích 216m^2; UBND huyện Yên T không giao đất lưu không cho ông H vì đây là phần đất do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, tại Văn bản giao đất ngày 20/12/1993 lại thể hiện ông H được mua và giao đất chiều dài bám mặt đường là 9m x 32m = 288m^2 và bù lưu không cầu cuối 13m là có mâu thuẫn; UBND huyện Yên T cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc UBND xã chỉ bán cho ông H 216m^2.

[8]. Gia đình ông H2 được cấp GCNQSDĐ cùng ngày 12/4/1995 với ông H nhưng không được giao đất trên thực địa; không sử dụng đất, không xác định được vị trí Thửa đất số 137, Tờ bản đồ số 3 mà UBND huyện Yên T đã cấp cho gia đình ông H2 tại GCNQSDĐ năm 1995 nằm ở đâu. Đến năm 2018, khi UBND huyện Yên T xác định phạm vi đất dành cho đường bộ tại cống bản Kép mà trước đây UBND xã Viên T xác định là đất lưu không cầu Cuối không thuộc quy hoạch đất giao thông nên khi ông H2 yêu cầu giao đất thì UBND huyện Yên T lại ban hành Văn bản số 510/UBND.TN ngày 10/5/2018 giao cho Chủ tịch UBND xã Viên T tổ chức giao đất cho 02 gia đình ông H và ông H2; theo đó giao cho ông H 19m mặt đường; giao cho ông H2 9m mặt đường (thuộc một phần đất lưu không mà ông H đang sử dụng); phần còn lại giao cho UBND xã Viên T tổ chức quản lý là không đúng quy định pháp luật và chưa đủ cơ sở. Bởi lẽ:

[8.1]. Việc UBND xã Viên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An giao đất cho gia đình ông H sử dụng đất bù lưu không đường bộ năm 1993 là không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 23 Luật Đất đai năm 1993. Tuy nhiên, từ khi được giao đất, gia đình ông H đã sử dụng ổn định, được UBND xã Viên T xác nhận không có tranh chấp.

[8.2]. UBND huyện Yên T xác định việc gia đình ông H2 được mua đất và được cấp GCNQSDĐ là có thật nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh ngoài giấy chứng nhận do UBND huyện Yên T cấp ngày 12/4/1995 cho bà Nguyễn Thị H3; số tiền sử dụng đất của ông H2 không được phản ánh tại sổ quỹ của UBND xã và không được lập phiếu thu; không cung cấp được hồ sơ địa chính về thửa đất đã cấp cho gia đình ông H2 theo GCNQSDĐ năm 1995 nêu trên. UBND huyện Yên T chưa xác minh làm rõ thực tế diện tích gia đình ông H đang sử dụng mà đã giải quyết giao một phần diện tích đất gia đình ông H đang sử dụng cho gia đình ông H2 trong khi chưa có quyết định thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993: "*Việc quyết định giao đất đang*

có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó" (nay là Điều 53 Luật Đất đai năm 2013).

[9]. Khi ông H khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Yên T ban hành Quyết định số 10394/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của ông H; giữ nguyên nội dung Công văn số 510/UBND.TN cũng là không có cơ sở.

[10]. Toà án cấp sơ thẩm nhận định: việc UBND xã Viên T giao đất bù lưu không đường bộ cho gia đình ông H là không đúng thẩm quyền; từ khi được giao đất, ông H đã sử dụng để xây dựng nhà ở và xây tường bờ bao quanh và được UBND xã xác định nguồn gốc sử dụng ổn định, không có tranh chấp; việc UBND huyện Yên T ban hành Công văn số 510/UBND.TN giao cho UBND xã Viên T giao đất cho ông H2 tại diện tích gia đình ông H đang sử dụng mà không thực hiện việc thu hồi, bồi thường về đất là vi phạm quy định của Luật Đất đai năm 2013; do đó, nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 10394/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên T cũng là chưa đúng quy định; từ đó Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 10394/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên T; hủy Công văn số 510/UBND.TN về việc giải quyết đơn phản ánh của công dân ngày 10/5/2018; buộc UBND huyện Yên T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Tuy nhiên, khi huỷ các văn bản nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu UBND huyện Yên T làm rõ lý do vì sao ông H, ông H2 cùng được cấp GCNQSDĐ năm 1995 nhưng đến năm 2017 là sau hơn 20 năm ông H2 mới yêu cầu giao đất; thửa đất số 37 tờ bản đồ số 3 nằm ở đâu; quá trình sử dụng đất của các bên như thế nào; hiện trạng đất ra sao… là chưa giải quyết triệt để vụ án. Trên cơ sở làm rõ những vấn đề nêu trên mới có đủ cơ sở để xác định ai là người có đủ điều kiện được giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai để từ đó trong phạm vi thẩm quyền của mình, UBND huyện Yên T thực hiện việc giao đất cho đúng đối tượng, đúng diện tích, theo đúng quy định của pháp luật.

[11]. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào lời trình bày của các cá nhân là cán bộ của UBND xã Viên T trong khi nội dung trình bày của những người này không thống nhất với Biên bản giao đất ngày 20/12/1993 và trình bày của đại diện theo ủy quyền của UBND xã Viên T tại phiên tòa sơ thẩm để cho rằng, sau khi nhận GCNQSDĐ, gia đình ông H không khiếu nại về diện tích đất được cấp nên việc UBND huyện Yên T giải quyết đơn của công dân giao đất cho gia đình ông H2 tại Công văn số 510/UBND.TN là có căn cứ; từ đó Toà án cấp phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của ông H là không đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và khoản 1, khoản 2 Điều 274 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2023/KN-HC ngày 15/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 21/2021/HC-PT ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởngVKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10 - để biết);
- TAND cấp cao tại Hà Nội (để biết);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vụ GĐKT 3 (3b), VP, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Minh Thủy